

Từ một khu công nghệ cao...

Tin tức về dự án xây dựng một khu công nghệ cao tại TP.HCM với tổng chi phí trong giai đoạn một dự kiến lên đến 542 triệu USD đang được trình lên Chánh phủ là một tin tức gây nức lòng nhất trong năm qua. Qui mô của dự án cho thấy quyết tâm đi đầu cả nước về phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhất là phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, phát huy thế mạnh của thành phố.

"Khu công nghệ cao này, với 8 trường đại học, 10 viện nghiên cứu, có nhiệm vụ giải mã nhanh tri thức và công nghệ mới của nước ngoài với chi phí thấp; ứng dụng các tri thức, công nghệ đã giải mã để thiết kế, chế tạo các thiết bị, sản phẩm mới; hỗ trợ sự ra đời và hoạt động của các công ty sản xuất dựa vào công nghệ cao... nhằm tạo ra sản phẩm mới. Bên cạnh đó sẽ xây dựng các trung tâm "ươm" công nghệ cao, các xí nghiệp công nghiệp công nghệ cao... Đây sẽ là nơi tập hợp các chuyên gia giỏi ở trong nước và cả ở nước ngoài, nhất là đội ngũ trí thức Việt kiều, trong các lĩnh vực công nghệ cao. Đây cũng sẽ là nơi thu hút sản xuất, chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài", một quan chức cao cấp thành phố đã giới thiệu như thế về khu công nghệ cao này.

Thế nhưng, đó mới chỉ là dự tính, nói cách khác mới chỉ là ước mơ của người trong cuộc, trong khi sự thành công của dự án này còn tùy thuộc vào một số yếu tố vượt lên trên ước mơ và tùy thuộc nơi người ngoài cuộc. Như khả năng tập hợp được chuyên gia giỏi trong nước, Việt kiều và nước ngoài, thu hút được các nước khoa học kỹ thuật tiên tiến vào đây tham gia sản xuất, chuyển giao công nghệ... Ở về thứ nhất, vấn đề đặt ra không chỉ là chính sách "chiêu hiền đãi sĩ" bằng vật chất mà còn là chính sách sử dụng người và cơ chế cùng môi trường làm việc. Ở về thứ nhì, vấn đề đặt ra chính là bài toán cổ hữu thu hút được đầu tư nước ngoài, mà từ mấy năm qua vẫn đang là một bài toán nan giải. Tất nhiên, cũng đã dự trù những chính sách ưu đãi cho khu công nghệ cao này, song, vấn đề là thực hiện các chính sách đó như thế nào để thu hút người ta, và thật ra những gì ta nghĩ là đã ưu đãi lắm rồi có "hợp gu" họ không.



Hiện đại hoá công nghệ và công nghiệp hoá nông nghiệp

DANH ĐỨC

Trên một bình diện khác, vấn đề cơ bản vẫn là "làm gì?" ở khu công nghệ cao đó, tức mục tiêu. Nếu xem mục tiêu là giá trị sản phẩm tính ra bằng đôla mỗi năm, thì kinh nghiệm của ngành công nghệ phần mềm với chỉ tiêu 500 triệu đôla vào năm 2005 không hẳn là một kinh nghiệm lạc quan cho lắm khi mà tổng giá trị sản lượng của công nghệ phần mềm năm 2002 vừa qua mới chỉ đạt 150 triệu đôla, còn xa mục tiêu 500 triệu USD lắm. Từ đó, buộc lòng phải đặt câu hỏi: một khi đồng vốn bỏ ra lên đến trên nửa tỷ đô la, thì lợi nhuận sau khấu hao là bao nhiêu?

Từ đó, mục tiêu còn có thể được hiểu theo cách khác: đi tắt, đón đầu

những công nghệ mới, mũi nhọn, có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao... nào để từ đó thu lợi nhuận từ sản xuất. Thiết nghĩ, khó có thể tưởng tượng rằng một tập đoàn cỡ Intel sẽ bỏ ra vài trăm triệu đôla để đầu tư vào đây một nhà máy sản xuất các con chip hay ta sẽ đủ sức tự hành vận hành nổi một nhà máy như thế (cả trong nghiên cứu và triển khai các con chip mới). Một công nghiệp sản xuất xe hơi chẳng? Một công nghiệp sản xuất máy bay chẳng? Hay sẽ chỉ là gia công như chúng ta đang gia công phần mềm hay quần áo, giày dép cho thiên hạ. Cũng còn một thực tế khác là dường như chúng ta chưa phải là những người biết bán sản phẩm của mình. Ngay cả bán trong nước.

Bởi thế, có thể dừng lại ở một vài tín hiệu lạc quan tuy khiêm tốn về qui mô đầu tư. Chương trình dùng ngân sách của TP để đầu tư cho nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị có chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập và chuyển giao cho các xí nghiệp với giá thành thấp, nhằm khuyến khích các nhà khoa học nghiên cứu sáng tạo và hỗ trợ xí nghiệp hiện đại hóa công nghệ, đã rất thành công. Trong hai năm 2000 và 2001, đã thực hiện được 10 dự án với kinh phí đầu tư là 4 tỷ đồng, và qua các hợp đồng ký kết, đã tiết kiệm được cho các doanh nghiệp mua thiết bị hơn 3,2 triệu đôla nhập thiết bị (tương đương 48 tỷ đồng). Có thể thấy hiệu quả kinh tế đầu tư của chương trình này là 12/1. Liệu có thể đầu tư thêm cho chương trình này để nâng số dự án lên gấp trăm, ngàn lần. Được biết, hiện có khoảng 120 doanh nghiệp đang đặt hàng chuyển giao thiết bị và thiết kế. Nếu làm được điều này, đây sẽ là nền tảng thực sự cho sự liên kết giữa nghiên cứu và công nghiệp sản xuất. Một khi khâu nghiên cứu chứng tỏ giá trị ứng dụng của mình, thì nghiên cứu sẽ cất cánh và sản xuất trong nước sẽ tự nhiên mang hàm lượng công nghệ cao. Đây là một nhu cầu sinh tử đối với nền công nghiệp nước nhà đang trong giai đoạn cần đầu tư công nghệ và thiết bị mới sao cho bắt kịp, ít nhất cũng là trình độ các nước khu vực. Từ sự cất cánh của nghiên cứu và triển khai đó mới có thể tập trung nội lực khoa học kỹ thuật để tiến đến một thực thể công nghệ cao. Nếu không làm thì các khu công nghệ cao, mà tiếng Pháp gọi là technopôle chính là những pôlê tức

những cực điểm của nền khoa học kỹ thuật một nước, chứ không thể là một "tầng trời" xa cách với nền khoa học kỹ thuật nước đó. Mặt khác, tuy khoa học kỹ thuật không bến bờ, nhưng ít nhất cũng phát triển trên cơ sở những nhu cầu đã được xác định của nước đó. Trong giai đoạn đổi mới công nghệ hiện nay, phải chăng chế tạo và sản xuất hàng loạt các máy công cụ đáp ứng được nhu cầu hiện đại hoá công nghiệp là một ưu tiên?

...Đến một nền nông nghiệp hiện đại hoá

Trên một bình diện khác, không thể không hình dung sự hình thành và phát triển Khu công nghệ cao này của TP bên cạnh sự hình thành và phát triển của một vùng nông thôn ngoại thành và các tỉnh lân cận sung túc nhờ một nền nông nghiệp mang tính công nghệ cao và bảo đảm môi trường sinh thái. Bằng không, đó sẽ là một sự phát triển bất cân đối cả về mặt khoa học kỹ thuật, kinh tế đến xã hội...

Bò sữa ngoại nhập, có thể nói đó là con vật nuôi nổi đình nổi đám nhất ở Việt Nam trong năm vừa qua, sau các con cá ba sa, cá diêu hồng, con tôm sú... của các năm trước. Quả thật, chỉ trong hơn một năm, đời sống một số nông dân nuôi bò sữa đã khá hơn thấy rõ. Nhăm mắt mà nói, còn có thể nhân đàn bò sữa, hiện mới chỉ là 54.000 con, lên gấp 10 lần hoặc hơn một chút, để đáp ứng 100% nhu cầu về sữa thay vì 13% như hiện nay và cả để cho xuất khẩu. Thế nhưng, sự đời lại không đơn giản như thế. Cùng với "cơn sốt" bò giống, giá cả, chất lượng, lại là bài toán cổ và thức ăn cho bò, chăm sóc vãn vãn. Người nông dân không biết xoay trở làm sao, khi mà ngay cả người thú y sĩ có khi cũng chưa từng trông thấy con bò ngoại và cái máy vắt sữa bao giờ... Rồi đến đầu ra, trừ một vài huyện có hợp đồng với các nhà máy sữa, những nơi còn lại chưa biết làm cách nào để thu gom, bảo quản và tiêu thụ sữa tươi.

Mô tả như thế chính là để hình dung tính phi công nghiệp của ngành chăn nuôi bò sữa của ta nói riêng, và của nền nông nghiệp nói chung. Phi công nghiệp từ khâu qui hoạch mà thật ra là chạy theo phong trào dưới lớp vỏ "nhân diện hình". Phi công nghiệp do thói quen nghĩ một cách đơn giản rằng có thể có một mô

hình chung cho tất cả trong khi cổ nhân đã dạy rằng cây cam trồng ở đất Tấn thì ngọt mà trồng ở đất Tần thì chua. Một trong những bi kịch của thế kỷ 20 là nạn sao chép một cách mù quáng các mô hình. Từ cái nhìn "mô hình" đó, đã quá bám vào công thức "diện tích nông nghiệp của từng hộ quá nhỏ không cho phép công nghiệp hoá nông nghiệp" để rồi từ đó tìm cách giải bài toán này chỉ bằng cách giải bài toán diện tích (gộp đất đai lại). Có lẽ, trong điều kiện đất hẹp người đông của Việt Nam, nâng cao trình độ tiếp thu kiến thức của nông dân (nhìn chung còn quá thấp) hầu giúp họ tiếp thu một cách tích cực, và sáng tạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chính là một trong những lời giải cho bài toán công nghiệp hoá nông nghiệp. Việc tổ chức cho nông dân sang Thái học nghề nuôi bò sữa là một cố gắng rất đáng khích lệ, song cũng mặc nhiên cho thấy khoảng cách về trình độ khoa học kỹ thuật giữa hai nền nông nghiệp tuy khoảng cách Sài Gòn- Bangkok không bằng Sài Gòn- Hà Nội. Phi công nghiệp còn do thiếu vốn đầu tư trong khi đó vay vốn ngân hàng vẫn chưa thuận tiện và bổ bèn gì. Trong những điều kiện đó, khó có thể tin rằng sẽ sớm công nghiệp hoá được nền nông nghiệp nước nhà để có thể tồn tại trong một AFTA đã đến và một WTO sắp tới.

Nhất định phải làm lại mới. Trước hết, không thể không nhìn thấy rằng đang có một lượng học sinh ở nông thôn học xong cấp 2, cấp 3, không biết làm gì: làm nông thì ngán cảnh một nắng hai sương như cha mẹ mà không đủ ăn, làm thợ thì không đủ tay nghề, làm biển... thì dễ sa ngã trước ma túy, tệ nạn, siêng lắm thì lên thành phố làm thợ, làm công... Nếu như soạn thảo được và tổ chức được tại mỗi huyện những chương trình đào tạo nông nghiệp ngắn hạn theo từng ngành nghề, cho từng cây trồng, cho từng vật nuôi một cách chuyên sâu và thực tiễn, sao cho có thể giúp các thanh niên này sử dụng vốn học vấn sẵn có của họ mà áp dụng ngay các kiến thức mới đó ngay chính trên mảnh đất nhỏ bé của gia đình họ, thậm chí vượt lên tiếp thu các thành tựu khoa học hiện đại qua Internet, thì từ đó có thể nhờ đó mà khiến họ tin rằng chính họ cũng có thể làm giàu được với nghề nông. Hiện đã có vài thí điểm đưa Internet về làng. Đó là một khởi đầu

tốt song, chưa đủ. Vấn đề là làm sao cung cấp máy tính giá thành hạ như đã thấy ở Ấn Độ, làm sao tập hợp được những bài học nông nghiệp, quản lý nông nghiệp, ngư nghiệp, thú y..., được soạn một cách dễ hiểu song vẫn đủ tính hệ thống. Với phương tiện multimedia, như các đoạn video trình diễn qua mạng, các bài học này sẽ rất là sinh động, trực quan và phổ thông trên cả nước. Một thứ đại học nông nghiệp từ xa không cần cấp bằng. Vấn đề là làm sao xây dựng được một "cỗ máy tìm kiếm" có khả năng trả lời ngay các câu hỏi hoặc hướng dẫn kết nối với các địa chỉ trên mạng có thể trả lời cho những thắc mắc từ con, cây, giống... đến giá cả và xu hướng thị trường trong và ngoài nước... Các bộ, các trường đại học, các viện nghiên cứu... thừa sức hợp lực xây dựng "cỗ máy tìm kiếm" này. Không thể giữ chân thanh niên có trình độ trung học ở lại nông thôn, không thể mơ ước công nghiệp hoá nông nghiệp, không thể nâng tỷ trọng sản xuất nông nghiệp trong tổng sản lượng quốc dân, nếu cứ để cho họ cứ phải sáng sủa vác cuốc ra đồng, chiều về đi cắt cỏ cho bò ăn, xắt bẹ chuối cho lợn ăn... như vào đầu thế kỷ trước. Không thể công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nếu như không tận dụng được vốn liếng học vấn cho dù là trung học của lớp trẻ ở nông thôn để từ đó xoá đi những lệ thói cũ, bảo thủ trong tư duy, bảo thủ trong phương pháp gieo trồng, chăn nuôi, đàng tư... hay lệ thói chạy theo phong trào.

Cuối cùng, một điều không thể thiếu là: giúp vốn từ các dự án tài trợ ODA.

Từ đó, mới có thể giữ chân người trẻ ở lại với nghề nông, mới công nghệ hoá được nông nghiệp, mới nâng sản lượng và giá trị sản lượng nông nghiệp, mới làm thay đổi cả bộ mặt lẫn chiều sâu nông thôn, mới có thể tin rằng nông nghiệp Việt Nam sẽ tồn tại được trong một thế giới ngày càng cạnh tranh gay gắt và đang bỏ xa ta về mặt khoa học kỹ thuật. Nếu đã có thể dự trù đầu tư 542 triệu USD cho dự án khu công nghệ cao, ắt có thể tăng ngân sách đầu tư thêm cho những chương trình đã được thực tế chứng minh tính hiệu quả, như chương trình "nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị có chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập" hoặc cho kế hoạch công nghệ hoá nông nghiệp ■